

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/DS-ST
Ngày: 14-5-2021
V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Văn Hứng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Phạm Thị Thiện**

2/ Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thùy My** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Lê Hoàng Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần A.**

Trụ sở: đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: đường V, phường T, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đào Trung H** (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2020 - *Có mặt*).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1984 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: khu vực 2, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện nguyên đơn ông Đào Trung H trình bày:

Vào ngày 25/7/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng A) và ông Nguyễn Thanh L có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành sử dụng thẻ của Ngân hàng A – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông L, Ngân hàng A đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch nhiều lần với tổng số tiền là 51.026.200 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay, ông L đã thanh toán cho Ngân hàng A số tiền là 6.114.000 đồng, rồi vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ của Ngân hàng A). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ nên ngày 31/7/2019 Ngân hàng A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản, điều kiện phát hành sử dụng thẻ của Ngân hàng A.

Vì vậy, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh L phải trả ngay cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 23/3/2021 là 132.342.787 đồng (*Một trăm ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng*) trong đó nợ gốc là 55.142.828 đồng, nợ lãi trong hạn là 51.466.639 đồng và nợ lãi quá hạn là 25.733.320 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 24/3/2021 ông L vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng A.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp hợp lệ nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của các đương sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ông Đào Trung H trình bày: Yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh L phải trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số nợ tạm tính đến ngày 14/5/2021 là 135.858.687 đồng (trong đó: nợ gốc là 55.142.828 đồng, nợ lãi là 80.715.859 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 15/5/2021 ông L vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng A.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về sự có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn vắng mặt, dù được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tổng số nợ tạm tính đến ngày 14/5/2021 là 135.858.687 đồng (trong đó: nợ gốc là 55.142.828 đồng, nợ lãi là 80.715.859 đồng) và ông L tiếp tục trả lãi theo lãi suất quá hạn của hợp đồng từ ngày 15/5/2021 cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp*: Ngân hàng thương mại cổ phần A và ông Nguyễn Thanh L có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành sử dụng thẻ của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Quá trình thực hiện giao dịch, ông L không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên Ngân hàng có đơn khởi kiện, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh L mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến theo triệu tập của Tòa án là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay mặc dù các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử vẫn thực hiện việc xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Theo nguyên đơn, vào ngày 25/7/2017, Ngân hàng A và ông Nguyễn Thanh L có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, với hạn mức sử dụng được cấp là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, với lãi suất vay, lãi suất quá hạn được quy định cụ thể trong hợp đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 14/5/2021 là 135.858.687 đồng (trong đó: nợ gốc là 55.142.828 đồng, nợ lãi là 80.715.859 đồng) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

[3.1/ Đối với số tiền nợ gốc:

Qua tài liệu thể hiện việc giao dịch, xác định được: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch nhiều lần với tổng số tiền là 51.026.200 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt, ông L đã thanh toán cho Ngân hàng A số tiền là 6.114.000 đồng, rồi vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Như vậy, ông L đã vi phạm Điều 2 Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ của Ngân hàng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ gốc 55.142.828 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.2/ Đối với số tiền nợ lãi:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành sử dụng thẻ của Ngân hàng đã ký kết thể hiện: thỏa thuận lãi suất 2,15%/tháng (lãi suất tại thời điểm làm thẻ ngày 25/7/2017), lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Mức lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi (tính đến ngày 14/5/2021) 80.715.859 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Do bị đơn không thực hiện theo đúng thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên cần buộc ông L phải trả nợ gốc và lãi với số tiền là 135.858.687 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Với những viện dẫn nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 16 Điều 70, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Buộc ông Nguyễn Thanh L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền nợ tín dụng tạm tính đến ngày 14/5/2021 là 135.858.687 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng*) trong đó nợ gốc là 55.142.828 đồng, nợ lãi là 80.715.859 đồng và tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 15/5/2021 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định của Hợp đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Thanh L phải nộp 6.793.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng*)..

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A được nhận lại 2.692.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu số 002785 ngày 07/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Hứng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thiện

Đỗ Thị Lệ Hằng

Văn Hứng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Hứng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thiện

Nguyễn Thị Hồng Liên

Văn Hứng

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Hứng